

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA  
“Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ  
Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành Nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu  
Dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Quảng Trị (WB7)

### **GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Công văn số 776/BNN-TT ngày 17/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh mô hình CSA thuộc Hợp phần 3 dự án WB7;

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UB ngày 25/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thẩm định thiết kế mô hình thực hành CSA “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ thuộc Hợp phần 3 dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Quảng Trị (WB7);

Xét Tờ trình số 67/TTr-DAWB7 ngày 06/3/2017 của Ban QLDA Cải thiện nông nghiệp có tuổi (WB7) tỉnh Quảng Trị về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA (phần cơ sở hạ tầng) “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ thuộc Hợp phần 3: Dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Quảng Trị (WB7);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ với những nội dung chính sau:





1. **Tên mô hình:** Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích.

2. **Địa điểm xây dựng:** thôn An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

3. **Diện tích triển khai mô hình:** 12,9 ha.

4. **Tên dự án thành phần:** Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị.

5. **Tên dự án:** Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

6. **Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị.

7. **Đại diện Chủ đầu tư:** Ban QLDA cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị.

8. **Nhà thầu tư vấn CSA:** Liên danh Viện nước Tưới tiêu và Môi trường - Viện khoa học kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ.

9. **Nhiệm vụ, các hoạt động thực hiện chính của mô hình:**

9.1. **Nhiệm vụ:**

Tăng cường năng lực cung cấp các dịch vụ nông nghiệp nhằm thúc đẩy việc nhân rộng các hệ thống và các thực hành CSA;

Phổ biến kiến thức về CSA, đào tạo các thực hành và hỗ trợ mở rộng ứng dụng các thực hành CSA bền vững;

Thực hiện điều tra cơ bản khi bắt đầu triển khai và khi kết thúc dự án để đánh giá các kết quả đầu ra của dự án trong Tỉnh (so sánh các chỉ số trước và sau dự án);

Tổ chức hội thảo để các bên liên quan thảo luận, đánh giá các hệ thống CSA và các hoạt động, rút bài học kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị phục vụ phát triển CSA.

9.2. **Hệ thống cơ sở hạ tầng mô hình:**

9.2.1 **Hệ thống kênh tưới:**

Xây mới 02 tuyến kênh tưới với tổng chiều dài  $L=667,15\text{m}$ ; Kết cấu bằng bê tông M200 đổ tại chỗ, đáy kênh dày 15cm, tường kênh dày 12cm. Một đơn nguyên được tính là 10m. Mỗi đơn nguyên bố trí 3 giằng ngang BTCT M200, kích thước (b $\times$ h=10 $\times$ 10)cm. Cứ một đơn nguyên bố trí 1khe lún, cấu tạo bằng giấy dầu 2 lớp.

Thông số kỹ thuật các tuyến kênh như sau:

Tên kênh tưới	DT tưới	L	Q <sub>tk</sub> tưới	Q <sub>max</sub>	i <sub>TK</sub>	n	M/C tính toán			Mặt cắt chọn		
	ha		m <sup>3</sup> /s				b <sub>tk</sub>	h <sub>tk</sub>	h <sub>max</sub>	B	a	H
N1-1	12,90	559,65	0,020	0,026	0,0001	0,017	0,40	0,339	0,419	0,40	0,131	0,55
N1-1-1	6,00	107,50	0,009	0,012	0,0001	0,017	0,35	0,209	0,262	0,35	0,138	0,40

\* Công trình trên kênh:

+ Cửa lấy nước: 07 vị trí

+ Cầu qua kênh: 01 vị trí

+ Cầu qua kênh kết hợp bậc nước: 01 vị trí

9.2.2. **Hệ thống kênh tiêu:**

Làm mới 02 tuyến kênh tiêu, tổng chiều dài  $L=721,34\text{m}$ ; Mặt cắt thiết kế hình thang, mái trong  $m=1,25$ , hình thức gia cố là nạo vét kênh đất. Kích thước mặt cắt kênh căn cứ vào kết quả tính toán thủy lực và hiện trạng kênh cũ để chọn hợp lý.

Thông số kỹ thuật các tuyến kênh như sau:

TT	Tên kênh tiêu	L	Q <sub>tk</sub>	i <sub>TK</sub>	n	m	M/C tính toán		Mặt cắt chọn	
		m	m <sup>3</sup> /s				b	h	B	H
1	Kênh T3	287,06	0,07	0,0002	0,03	1,25	0,50	0,40	0,50	1,10
2	Kênh T4	434,28	0,23	0,0002	0,03	1,25	1,00	0,57	1,00	1,10

\* Công trình trên kênh:

+ Cửa tiêu nước mặt ruộng: 06 vị trí

+ Cầu qua kênh: 02 vị trí

**10. Kinh phí thực hiện: 880.424.000 đồng**

(Bằng chữ: Tám trăm tám mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng chẵn./.)

Trong đó:

- **Nguồn Tài chính từ dự án: 880.424.000 đồng**

+ Vốn PPMU quản lý và sử dụng là: 880.424.000 đồng

+ Vốn giao HTX quản lý và sử dụng là: 0 đồng

- **Nguồn vốn đóng góp của nông dân: 0 đồng**

(Chi tiết có Phụ lục dự toán kèm theo)

**11. Nguồn vốn:** Vốn vay WB Hợp phần 3 dự án WB7 Quảng Trị.

**Điều 2.** Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ theo nội dung quyết định này thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà Tài trợ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị, Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ban CPO;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị;
- Tổ hỗ trợ kỹ thuật HP3 của Sở;
- Lưu: VT, QLCT



**Võ Văn Hưng**



**TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG PHẦN CƠ SỞ HẠ TẦNG MÔ HÌNH CSA LÚA XÃ CAM THANH**  
**Mô hình CSA "cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích" tại**  
**thôn An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ**  
**Địa điểm: xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số **105/QĐ-SNN** ngày **04 tháng 4** năm 2017 của Sở NN và PTNT)

					Đơn vị: VNĐ	
TT	Hạng mục chi phí	Ký hiệu	Diễn giải	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G <sub>XD</sub>	Dự toán chi tiết	<b>771.976.000</b>	<b>77.198.000</b>	<b>849.174.000</b>
II	CHI PHÍ KHÁC	G <sub>K</sub>	G <sub>K1</sub> + G <sub>K2</sub>	<b>28.409.000</b>	<b>2.841.000</b>	<b>31.250.000</b>
1	Chi phí chung (TT số 06/2016/TT-BXD)	G <sub>K1</sub>	G <sub>NT</sub> + G <sub>KKL</sub>	23.160.000	2.316.000	25.476.000
a	Chi phí XD nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường	G <sub>NT</sub>	G <sub>XD</sub> x 1,00%	7.720.000	772.000	8.492.000
b	Chi phí một số công việc thuộc hạng mục chung nhưng không xác định được khối lượng từ thiết kế	G <sub>KKL</sub>	G <sub>XD</sub> x 2,00%	15.440.000	1.544.000	16.984.000
2	Bảo hiểm công trình	G <sub>K2</sub>	G <sub>XD</sub> x 0,68%	5.249.000	525.000	5.774.000
	<b>TỔNG HỢP CHI PHÍ XÂY DỰNG (I+II)</b>	<b>G</b>	<b>G<sub>XD</sub>+G<sub>K</sub></b>	<b>800.385.000</b>	<b>80.039.000</b>	<b>880.424.000</b>

(Bảng chữ: Tám trăm tám mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng chẵn.)

